

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TRI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17/01/2023
V/v “*Yêu cầu không công nhận
vợ chồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Trung

2. Ông Lê Quang Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị kim Loan – Thư ký Tòa án

Ngày 17 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 482/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc “*yêu cầu không công nhận vợ chồng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2022/QĐST - HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đào Thị P, sinh năm 1977; (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Ông Võ Văn V, sinh năm 1970; (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/6/2022, trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Đào Thị P trình bày:

Bà và ông Võ Văn V chung sống với nhau từ năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Bà và ông V sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, gây gổ với nhau vì bất đồng trong cuộc sống. Dần

dần mâu thuẫn ngày càng lớn nên ông bà sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Nay nhận thấy không còn khả năng hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông V là vợ chồng.

Về con chung: có 02 con chung tên Võ Thị Ngọc T, sinh ngày 04/01/1997 và Võ Hoàng P1, sinh ngày 26/11/1999. Hai con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại bản khai ngày 24/11/2022, biên bản hòa giải ngày 24/11/2022, trong quá trình tố tụng bị đơn ông Võ Văn V trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Đào Thị P. Ông và bà P cưới nhau vào năm 1994, do tự tìm hiểu nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2012 thì hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là hai vợ chồng thường xuyên gây gổ với nhau, ông bà đã sống ly thân từ giữa năm 2012 cho đến nay không hàn gắn được với nhau. Nay bà P yêu cầu không công nhận bà P và ông là vợ chồng ông đồng ý.

Về con chung: ông bà có 02 con chung tên Võ Thị Ngọc T, sinh ngày 04/01/1997 và Võ Hoàng P, sinh ngày 26/11/1999, hiện nay con chung đã trưởng thành. Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Đào Thị P và ông Võ Văn V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà P, ông V.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông V tự nguyện sống chung với nhau vào năm 1994, đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống đến đầu năm 2012 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống không còn hạnh phúc. Từ năm 2012 đến nay bà P và ông V đã không còn sống chung như vợ chồng. Nhận thấy bà P và ông V chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1994 nhưng không

đăng ký kết hôn là vi phạm **khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014** . Mặc khác, theo quy định tại điểm c khoản 3 Nghị Quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội thì quan hệ hôn nhân của ông, bà không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà P và ông V là vợ chồng.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà P và ông V có 02 con chung tên là Võ Thị Ngọc T, sinh ngày 04/01/1997 và Võ Hoàng P, sinh ngày 26/11/1999. Các con chung của bà P và ông V đã trưởng thành, bà P, ông V không yêu cầu giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: không có, nên không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Đào Thị P phải nộp án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 14, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Không công nhận bà Đào Thị P và ông Võ Văn V là vợ chồng.
2. Con chung Võ Thị Ngọc T, sinh ngày 04/01/1997 và Võ Hoàng P, sinh ngày 26/11/1999 đã trưởng thành.
3. Về tài sản chung: Không có.
4. Về nợ chung: Không có.
5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Đào Thị P phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0004272 ngày 01/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Duy Linh